

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH KIẾN TRÚC NỘI THẤT**

(Ban hành tại Quyết định số 1343 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm
Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

| | |
|-------------------|-----------------------|
| Tên chương trình | KIẾN TRÚC NỘI THẤT |
| Ngành đào tạo | KIẾN TRÚC NỘI THẤT |
| Tên tiếng Anh | INTERIOR ARCHITECTURE |
| Trình độ đào tạo | ĐẠI HỌC |
| Mã số | 7580103 |
| Hình thức đào tạo | CHÍNH QUI |

Tp. Hồ Chí Minh, 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1343 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

| | |
|-------------------|---------------------|
| Tên chương trình | KIẾN TRÚC NỘI THẤT |
| Trình độ đào tạo | Đại học |
| Ngành đào tạo | KIẾN TRÚC NỘI THẤT |
| Mã số | 7580103 |
| Loại hình đào tạo | Chính quy tập trung |

1. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Cung cấp nguồn nhân lực được đào tạo theo định hướng ứng dụng công nghệ có khả năng chủ động triển khai công việc ngay sau khi ra trường, có khả năng cạnh tranh phát triển nghề nghiệp và thích ứng nhanh chóng với môi trường làm việc luôn thay đổi.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiến trúc Nội thất được bồi dưỡng phẩm chất tốt, được trang bị trình độ chuyên môn chuyên nghiệp và tư duy theo chiều sâu ngay khi ra trường; có tính thực tiễn, khả năng thích ứng nhanh với thực tế sử dụng lao động của xã hội cũng như tính cạnh tranh cao về chất lượng và trình độ người lao động trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và thế giới;

b. Mục tiêu cụ thể

Nội dung và mục tiêu của chương trình đào tạo hướng sinh viên chủ động thực hiện công việc ngay cả khi trong thời gian học thông qua phương pháp “Project based-learning” coi mỗi Học phần, đồ án chuyên ngành là một dự án cụ thể với điều kiện và bối cảnh cụ thể cho phép sinh viên có thể tương tác, nghiên cứu, trình bày, thể hiện, bảo vệ quan điểm của mình về sản phẩm thiết kế. Hệ thống chuỗi 16 đồ án chuyên ngành có tính kế thừa nối tiếp nhau nhằm phát triển tư duy sáng tạo và kỹ thuật một cách tốt nhất. Chương trình đào tạo triển khai và đánh giá theo triết lý CDIO bao gồm các kỹ năng:

1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật và quản lý trong hoạt động hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng

2. Kỹ năng và tố chất cá nhân và chuyên nghiệp
3. Kỹ năng giao tiếp: làm việc theo nhóm và giao tiếp
4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – *quá trình sáng tạo*

c. *Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp:*

Được trang bị tư duy làm việc hiện đại, chuyên nghiệp và thực tế, có tính cạnh tranh cao trong thời đại công nghệ 4.0 toàn cầu hóa quốc tế, người theo học ngành Kiến trúc nội thất sau khi tốt nghiệp có thể thực hiện hoặc đảm nhiệm các vị trí công việc cụ thể như:

- Sáng tạo khởi nghiệp doanh nghiệp trong lĩnh vực tư vấn thiết kế đầu tư và thi công xây dựng, kinh doanh Bất Động Sản, đảm nhận công việc chủ trì, tư vấn thiết kế kiến trúc và nội thất các công trình dân dụng, đặc biệt là các công trình nhà ở một cách độc lập
- Làm việc tại các doanh nghiệp/ công ty về tư vấn thiết kế kiến trúc và nội thất các công trình dân dụng, tư vấn giám sát triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng
- Làm việc tại các doanh nghiệp/ công ty về thi công thực hiện phần kiến trúc và nội thất các công trình dân dụng, tư vấn giám sát triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng
- Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến các dự án trong các lĩnh vực kiến trúc, xây dựng phát triển đô thị, Bất động sản
- Với nền tảng kiến thức vững vàng, người tốt nghiệp chương trình đào tạo có thể tiếp tục học Cao học, NCS nâng cao trình độ trong và ngoài nước, làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo ngành Kiến trúc & Xây dựng...

2. Chuẩn đầu ra

| Ký hiệu | Chuẩn đầu ra | Trình độ năng lực |
|-------------|---|-------------------|
| 1. | Kiến thức và lập luận kỹ thuật | |
| 1.1. | Giải thích các nguyên tắc cơ bản trong khoa học xã hội và tự nhiên (chủ nghĩa xã hội khoa học, toán học, vật lý kiến trúc,...) | 3 |
| 1.2. | Phân tích các kiến thức nền tảng cốt lõi như mỹ học, văn hóa, lịch sử kiến trúc, vật liệu, cơ học kết cấu... để áp dụng vào thiết kế Kiến trúc nội ngoại thất | 4 |

| | | |
|------|--|---|
| 1.3. | Đề xuất sáng tạo trong thiết kế kiến trúc công trình và nội ngoại thất dựa vào kiến thức nền tảng kỹ thuật nâng cao | 5 |
| 2. | Kỹ năng và tố chất: cá nhân và chuyên nghiệp | |
| 2.1. | Kỹ năng xác định và hình thành vấn đề trong quá trình triển khai công việc, từ đó đề xuất các giải pháp, phương án thiết kế | 5 |
| 2.2. | Khả năng đặt giả thuyết, bảo vệ và thử nghiệm các giải pháp, đề xuất mới | 5 |
| 2.3. | Khả năng tư duy toàn diện trong thiết kế, trao đổi, phán xét và cân bằng trong các phương án thiết kế | 5 |
| 2.4. | Khả năng tư duy sáng tạo, kiên trì, linh hoạt và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong quá trình nghiên cứu, đề xuất và triển khai ý tưởng | 5 |
| 2.5. | Phát triển thái độ, đạo đức, trách nhiệm, hành xử chuyên nghiệp, chủ động kế hoạch và cập nhật kiến thức mới trong nghề nghiệp | 5 |
| 3. | Kỹ năng giao tiếp: làm việc theo nhóm và giao tiếp | |
| 3.1. | Khả năng làm việc, tổ chức, lãnh đạo nhóm trong việc giải quyết hiệu quả công việc | 5 |
| 3.2. | Khả năng sử dụng các kỹ năng giao tiếp khác nhau như viết báo cáo, thể hiện bản vẽ, thuyết trình, bảo vệ công việc trong hoạt động nghề nghiệp | 5 |
| 3.3. | Khả năng sử dụng ngoại ngữ để trao đổi kiến thức trong hoạt động nghề nghiệp | 3 |
| 4. | Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh Doanh nghiệp, Xã hội và Môi trường – Quá trình sáng tạo | |
| 4.1. | Ý thức được vai trò cá nhân cũng như đánh giá được tính bền vững, những tác động qua lại giữa công việc thực hiện với khách hàng, xã hội, môi trường | 5 |
| 4.2. | Khả năng làm việc trong môi trường doanh nghiệp, môi trường toàn cầu | 4 |
| 4.3. | Khả năng quản lý, phát triển, đảm bảo đạt được mục tiêu dự án | 5 |

| | | |
|-------------|---|---|
| 4.4. | Khả năng đáp ứng các yêu cầu bền vững, an toàn, thẩm mỹ, vận hành trong công việc | 5 |
| 4.5. | Khả năng thiết kế quy trình và quản lý quá trình triển khai công việc | 5 |
| 4.6. | Khả năng thiết kế giải pháp và tối ưu hóa vận hành dự án | 4 |
| 4.7. | Khả năng hoạch định và quản lý trọn vẹn một dự án | 5 |
| 4.8. | Khả năng hình thành ý tưởng về sản phẩm và dịch vụ từ các công nghệ mới | 4 |

Thang trình độ năng lực

| Trình độ năng lực | | Mô tả ngắn |
|---------------------------------|-------------|---|
| $0.0 \leq \text{TĐNL} \leq 1.0$ | Cơ bản | Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,... |
| $1.0 < \text{TĐNL} \leq 2.0$ | Đạt yêu cầu | Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ... |
| $2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$ | | Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,... |
| $3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$ | Thành thạo | Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,... |
| $4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$ | | Đánh giá: SV đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,... |
| $5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$ | Xuất sắc | Sáng tạo: SV kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới. |

3. Thời gian đào tạo

4,5 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

155 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDTC và GDQP-AN)

5. Đối tượng tuyển sinh

Tuyển học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông.

Căn cứ vào nguồn lực hiện có, bao gồm đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, và nhu cầu nhân lực, Trường đề xuất dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 3 năm đầu của ngành Kiến trúc nội thất như sau:

Năm 2020: 50 sinh viên

Năm 2021: 50 sinh viên

Năm 2022: 50 sinh viên

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo *Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/5/2014* ban hành về việc tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

7. Thang điểm

Chương trình được xây dựng với cách tính điểm thang 10

8. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

| TT | TÊN HỌC PHẦN | KT |
|---|-----------------------------|-----------|
| KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG | | 34 |
| A. Khối kiến thức bắt buộc | | 32 |
| I. Lý luận chính trị + Pháp luật | | 13 |
| 1 | Triết học Mác-Lênin | 3 |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 2 |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |

| | | |
|--|---|----------|
| 5 | Lịch sử Đảng CSVN | 2 |
| 6 | Pháp luật đại cương | 2 |
| II. Toán học và KHTN | | 3 |
| 1 | Toán 1 | 3 |
| III. Nhập môn ngành | | 3 |
| IV. Tin học | | 5 |
| 1 | Thực tập tin học chuyên ngành Kiến trúc 1: (AUTOCAD+ SKETCHUP) | 2 |
| 2 | Thực tập tin học chuyên ngành kiến trúc 2: (REVIT+3DMAX) | 2 |
| 3 | Thực tập tin học chuyên ngành Kiến trúc 3: (B.I.M) | 1 |
| V. Khác | | 4 |
| 1 | Hình học họa hình 1: giao - hình chiếu thẳng góc | 2 |
| 2 | Hình học họa hình 2: hình chiếu phối cảnh | 2 |
| VI. Khoa học xã hội nhân văn | | 4 |
| 1 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 |
| 2 | Cây xanh, môi trường & Con người | 2 |
| B. Khối kiến thức KHXH&NV tự chọn | | 2 |
| C. Khối kiến thức GDTC + GDQP | | |
| VII. Giáo dục thể chất | | 5 |
| 1 | Giáo dục thể chất 1 | 1 |
| 2 | Giáo dục thể chất 2 | 1 |
| 3 | Tự chọn Giáo dục thể chất 3 | 3 |

| | | |
|-------------------------------------|--|-----------------|
| VIII. Giáo dục quốc phòng | | <i>165 tiết</i> |
| KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP | | 121 |
| 1 | Cơ sở nhóm ngành và ngành | 76 |
| 2 | Chuyên ngành | |
| 3 | Thí nghiệm, thực tập, thực hành, đồ án | 34 |
| 4 | Thực tập tốt nghiệp | 2 |
| 5 | Khóa luận tốt nghiệp | 9 |

9. Nội dung chương trình

A – Phần bắt buộc

A.1. Kiến thức giáo dục đại cương

| STT | Mã Học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-----|-------------|--|------------|--|
| 1 | LLCT130105 | Triết học Mác-LêNin | 3 | |
| 2 | LLCT120205 | Kinh tế chính trị Mác-LêNin | 2 | HT_(LLCT130105) |
| 3 | LLCT120405 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | HT_(LLCT130105) |
| 4 | LLCT120314 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | HT_(LLCT130105) |
| 5 | LLCT220514 | Lịch sử Đảng CSVN | 2 | HT_(LLCT120205) HT_(LLCT130105) HT_(LLCT120405) HT_(LLCT120314) |
| 6 | GELA220405 | Pháp luật đại cương | 2 | |
| 7 | MATH132401 | Toán 1 | 3 | |
| 8 | DGSP120216 | Hình học họa hình 1: giao - hình chiếu thẳng góc | 2(1+1) | |

| | | | | |
|-------------|------------|--|-------------|------------------------------------|
| 9 | DGSP120316 | Hình học họa hình 2: hình chiếu phối cảnh | 2(1+1) | HT_(DGSP120216) |
| 10 | ACAD121216 | Thực tập tin học chuyên ngành Kiến trúc 1: (AUTOCAD+ SKETCHUP) | 2 | |
| 11 | REVT122616 | Thực tập tin học chuyên ngành kiến trúc 2: (REVIT+3DMAX) | 2 | HT_(ACAD121216) |
| 12 | BIMA112716 | Thực tập tin học chuyên ngành Kiến trúc 3: (B.I.M) | 1 | HT_(ACAD121216) HT_(REVT122616) |
| 13 | INAR130216 | Nhập môn Kiến trúc Nội thất | 3(2+1) | |
| 14 | IVNC320905 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 | |
| 15 | TEHU122916 | Cây xanh, môi trường & Con người | 2 | |
| 16 | | Khoa học XH & NV (Tự chọn) | 2 | |
| 17 | PHED110513 | Giáo dục thể chất 1 | (1) | |
| 18 | PHED110613 | Giáo dục thể chất 2 | (1) | |
| 19 | PHED130715 | Giáo dục thể chất 3 | (3) | |
| 20 | - | Giáo dục quốc phòng | 165 tiết | |
| Tổng | | | 34 | |

A.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

A.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

| STT | Mã Học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|------------|--------------------|---------------------|-------------------|---|
|------------|--------------------|---------------------|-------------------|---|

| | | | | |
|----|------------|--|--------|------------------------------------|
| 1 | APHY242416 | Vật lý kiến trúc (Quang học- thông gió, âm học) | 4(3+1) | |
| 2 | SASL120116 | Hình họa 1: Tượng + Người | 2 | |
| 3 | WCSP120416 | Hình họa 2: Phong cảnh hẹp | 2 | |
| 4 | STIL220116 | Hình họa: Tĩnh vật màu | 2 | |
| 5 | MATE220316 | Hình họa 4: Đặc tả chất liệu | 2 | HT_(STIL220116) |
| 6 | DECO220416 | Trang trí cơ bản | 2 | |
| 7 | DECO320116 | Trang trí chuyên ngành 1 | 2 | HT_(DECO220416) |
| 8 | DECO320516 | Trang trí chuyên ngành 2 | 2 | HT_(DECO320116) |
| 9 | VISI220216 | Nguyên lý thị giác | 2 | |
| 10 | ARTH120316 | Lịch sử nghệ thuật | 2 | |
| 11 | INAP320616 | Đồ án cơ sở kiến trúc 1: Đường nét- chữ số | 2 | |
| 12 | INAP320716 | Đồ án cơ sở kiến trúc 2: Vẽ mẫu nhà | 2 | HT_(INAP320616) |
| 13 | INAP320816 | Đồ án cơ sở kiến trúc 3: Diễn họa – KT nhỏ | 2 | HT_(INAP320716) |
| 14 | INAP320916 | Đồ án cơ sở kiến trúc 4: Vẽ ghi | 2 | HT_(INAP320816) HT_(PCIN341316) |
| 15 | SCPA231116 | Thực hành Điều khắc: Tổ hợp hình khối kiến trúc | 3 | |
| 16 | LAPA221016 | Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc | 2(1+1) | SS_(SCPA231116) |
| 17 | LAPA221516 | Đồ án bố cục tạo hình kiến trúc | 2 | HT_(LAPA221016) HT_(SCPA231116) |

| | | | | |
|-------------|------------|---|-----------|-----------------|
| 18 | PCIN341316 | Cấu tạo kiến trúc công trình DD & CN– BTL | 4(1+3) | HT_(PCIA341616) |
| 19 | MEBU244817 | Cơ học công trình | 4 | HT_(MATH132401) |
| 20 | STBU245217 | Kết cấu công trình (BTCT+Thép+Gỗ) | 4 | HT_(MEBU244817) |
| Tổng | | | 49 | |

A.2.2a. Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

| STT | Mã Học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-----|-------------------|--|------------|---|
| 1 | PCIA341616 | Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình DD | 4 | HT_(IVNC320905) SS_(LAPA221016) |
| 2 | PCII220516 | Nguyên lý thiết kế Nội Ngoại thất | 2 | HT_(IVNC320905) HT_(PCIA341616) HT_(LAPA221016) HT_(VISI220216) |
| 3 | EQUB344116 | Trang thiết bị nội ngoại thất công trình | 4 | HT_(PCIA341616) HT_(PCIN341316) |
| 4 | DESI320216 | Thiết kế và triển khai cấu tạo các sản phẩm nội thất | 2 | HT_(IVNC320905) HT_(PCIA341616) HT_(LAPA221016) HT_(VISI220216) HT_(PCII220516) |
| 5 | MATE320416 | Chất liệu nội ngoại thất | 2 | |
| 6 | EARH333816 | Lịch sử kiến trúc phương Đông & Việt Nam | 3 | HT_(IVNC320905) HT_(ARTH226516) |

| | | | | |
|-------------|------------|--|-----------|--|
| 7 | WARH323016 | Lịch sử kiến trúc phương Tây | 2 | HT_(ARTH226516) |
| 8 | PLAR324316 | Kiến trúc cảnh quan | 2(1+1) | HT_(VISI226616) HT_(ARTH226516) HT_(PCIA341616) HT_(LAPA221016) HT_(PCII327016) HT_(TEHU122916) |
| 9 | | Tự chọn chuyên ngành | 2(1+1) | |
| 10 | | Chuyên đề tốt nghiệp | 2(1+1) | |
| 11 | SCIC421516 | Chuyên đề Doanh nghiệp (Kiến trúc nội thất) | 2 | |
| 12 | LEBU320026 | Lãnh đạo và kinh doanh trong kỹ thuật | (2) | |
| Tổng | | | 27 | |

A.2.2b. Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần thực hành xưởng, thực tập công nghiệp)

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-----|-------------|---|-------|---|
| 1 | SAPP421716 | Đồ án thiết kế kiến trúc: quán hoa, quán sách, bến xe bus, bến tàu thủy | 2 | HT_(LAPA221016) HT_(SCPA231116) SS_(PCIA341616) |
| 2 | APSH422016 | Đồ án thiết kế kiến trúc: Nhà ở riêng lẻ | 2 | HT_(SAPP421716) HT_(PCIN341316) HT_(PCIA341616) |
| 3 | APLH433316 | Đồ án thiết kế kiến trúc: Nhà ở thấp tầng | 3 | HT_(APSH422016) HT_(PCIA341616) HT_(PCIN341316) |

| | | | | |
|----|------------|--|---|---|
| 4 | SAPP421816 | Đồ án thiết kế kiến trúc CTCC 1: quy mô nhỏ | 2 | HT_(PCIN341316) SS_(PCIA341616) |
| 5 | APID220616 | Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 1 | 2 | HT_(IVNC320905) HT_(PCII220516) HT_(PCIA341616) HT_(LAPA221016) |
| 6 | APID320316 | Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 2 | 2 | HT_(APID220616) |
| 7 | APID320716 | Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 3 | 2 | HT_(APID320716) |
| 8 | APID320816 | Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 1 | 2 | HT_(IVNC320905) HT_(PCII220516) HT_(PCIA341616) HT_(LAPA221016) |
| 9 | APID420116 | Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 2 | 2 | HT_(APID320816) |
| 10 | APID420216 | Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 3 | 2 | HT_(APID420116) |
| 11 | MANU320616 | Đồ án sản xuất và thi công các sản phẩm nội ngoại thất | 2 | HT_(DESI320216) |
| 12 | APID420416 | Đồ án thiết kế Nội thất công trình thông minh | 2 | HT_(PCIA341616) HT_(PCII220516) HT_(EQUB324116) APID320716 APID420216 |
| 13 | APID430516 | Đồ án thiết kế Nội Ngoại thất tổng hợp | 3 | HT_(APID420416) HT_(RENO420316) |

| | | | | |
|-------------|------------|--|-----------|---|
| 14 | ARPE424716 | Đồ án thiết kế ngoại thất: cảnh quan sân vườn, công viên | 2 | HT_(PLAR324316) HT_(VISI226616) HT_(PCII327016) |
| 15 | RENO420316 | Đồ án cải tạo nhà ở | 2 | HT_(PCIA341616) HT_(PCII220516) HT_(STBU245217) |
| 16 | TPRA312216 | Thực tập kỹ thuật | 1 | HT_(INAP320916) HT_(PCIA341616) HT_(PCIN341316) |
| 17 | VIST410716 | Thực tập - Tham quan | 1 | HT_(PCIN341316) HT_(PCIA322316) HT_(UPLA323116) HT_(APID434416) HT_(APID320816) |
| 18 | GRAP420616 | Thực tập tốt nghiệp (Kiến trúc nội thất) | 2 | HT_(PCIN341316) HT_(PCIA322316) HT_(PCII220516) HT_(DESI320216) |
| Tổng | | | 36 | |

A.2.3. Tốt nghiệp

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-------------|-------------|---|----------|--|
| 1 | FIND490816 | Khóa luận tốt nghiệp Kiến trúc nội thất | 9 | |
| Tổng | | | 9 | |

Điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp:

Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn trong chương trình khung

B – Phần tự chọn**Kiến thức giáo dục đại cương**

Khối kiến thức các Học phần thuộc nhóm Khoa học xã hội – nhân văn (*SV chọn 1 học phần 2 tín chỉ trong các Học phần sau*):

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số TC | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|-------------|-------------|--------------------------------------|----------|-------------------------------|
| 1 | GEFC220105 | Kinh tế học đại cương | 2 | |
| 2 | IQMA220205 | Nhập môn quản trị chất lượng | 2 | |
| 3 | INMA220305 | Nhập môn Quản trị học | 2 | |
| 4 | INLO220405 | Nhập môn Logic học | 2 | |
| 5 | INSO321005 | Nhập môn Xã hội học | 2 | |
| 6 | ENPS220591 | Tâm lý học kỹ sư | 2 | |
| 7 | LESK120190 | Kỹ năng học tập đại học | 2 | |
| 8 | PLSK120290 | Kỹ năng xây dựng kế hoạch | 2 | |
| 9 | WOPS120390 | Kỹ năng làm việc trong môi trường KT | 2 | |
| 10 | REME320690 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | |
| 11 | ARAP125116 | Tư duy biện luận ứng dụng | 2(1+1) | |
| 12 | AEST125416 | Mỹ học | 2 | |
| Tổng | | | 2 | |

Kiến thức chuyên ngành

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-----|--|--|---------------|--|
| 1 | Chuyên ngành tự chọn (chọn 1 học phần): | | 2 | |
| | PHOT420816 | - <i>Nghệ thuật nhiếp ảnh</i> | 2(1+1) | HT_(VISI226616) HT_(LAPA221016) HT_(DECO326916) HT_(MATE327316) |
| | PAIN420916 | - <i>Tranh chất liệu</i> | 2(1+1) | HT_(VISI226616) HT_(LAPA221016) HT_(DECO326916) HT_(MATE327316) |
| | SHAP421016 | - <i>Tạo dáng công nghiệp</i> | 2(1+1) | HT_(VISI226616) HT_(LAPA221016) HT_(DECO326916) HT_(MATE327316) |
| 2 | Chuyên đề tốt nghiệp tự chọn (chọn 1 học phần) | | 2 | |
| | TEND421216 | - <i>Các xu hướng nội thất</i> | 2(1+1) | HT_(ARTH226516) HT_(PCII327016) HT_(DESI327116) |
| | FUCO421316 | - <i>Nội thất các công trình cải tạo bảo tồn</i> | 2(1+1) | HT_(ARTH226516) HT_(PCII327016) HT_(DESI327116) |

| | | | | |
|-------------|------------|--------------------------------------|----------|---|
| | TEMA421416 | - Công nghệ và vật liệu nội thất mới | 2(1+1) | HT_(PCII327016) HT_(DESI327116) HT_(MATE327316) |
| Tổng | | | 4 | |

10. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không xếp vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

| STT | Mã Học phần | Tên Học phần | Số tín chỉ | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-------------|-------------|-----------------------------|------------|--|
| 1 | LLCT120205 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 2 | HT_(LLCT130105) |
| 2 | LLCT120405 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | HT_(LLCT130105) |
| 3 | LLCT120314 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | HT_(LLCT130105) |
| 4 | LLCT220514 | Lịch sử Đảng CSVN | 2 | HT_(LLCT120205) HT_(LLCT130105) HT_(LLCT120405) HT_(LLCT120314) |
| 5 | GELA220405 | Pháp luật đại cương | 2 | |
| 6 | PHED110613 | Giáo dục thể chất 2 | 1 | |
| 7 | PHED130715 | Giáo dục thể chất 3 | 3 | |
| Tổng | | | 10 | |

Học kỳ 1:

| STT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-----|------------|--|--------|--|
| 1 | MATH132401 | Toán 1 | 3 | |
| 2 | DGSP120216 | Hình học họa hình 1: giao - hình chiếu thẳng góc | 2(1+1) | |
| 3 | SASL120116 | Hình họa 1: Tượng + Người | 2 | |

| | | | | |
|-------------|------------|--|-----------|-----------------|
| 4 | INAR130216 | Nhập môn Kiến trúc Nội thất | 3(2+1) | |
| 5 | IVNC320905 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 | |
| 6 | INAP320616 | Đồ án cơ sở kiến trúc 1: Đường nét- chữ số | 2 | |
| 7 | INAP320716 | ĐA Cơ sở kiến trúc 2: Vẽ mẫu nhà | 2 | HT_(INAP320616) |
| 8 | LLCT130105 | Triết học Mác-Lênin | 3 | |
| 9 | PHED110513 | Giáo dục thể chất 1 | 1 | |
| Tổng | | | 19 | |

Học kỳ 2:

| STT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-------------|------------|---|-----------|---|
| 1 | ARTH120316 | Lịch sử nghệ thuật | 2 | |
| 2 | STIL220116 | Hình họa: Tĩnh vật màu | 2 | |
| 3 | DGSP120316 | Hình học họa hình 2: hình chiếu phối cảnh | 2(1+1) | HT_(DGSP120216) |
| 4 | PCIA341616 | Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình DD | 4 | HT_(IVNC320905) SS_(LAPA221016) |
| 5 | INAP320816 | Đồ án cơ sở kiến trúc 3: Diễn họa – KT nhỏ | 2 | HT_(INAP320716) |
| 6 | LAPA221016 | Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc | 2(1+1) | SS_(SCPA231116) |
| 7 | SCPA231116 | Thực hành Điều khắc: Tổ hợp hình khối kiến trúc | 3 | |
| Tổng | | | 17 | |

Học kỳ 3:

| STT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-------------|------------|---|-----------|---|
| 1 | PCIN341316 | Cấu tạo kiến trúc công trình DD & CN– BTL | 4(1+3) | HT_(PCIA341616) |
| 2 | APHY242416 | Vật lý kiến trúc (Quang học- thông gió, âm học) | 4(3+1) | |
| 3 | WCSP120416 | Hình họa 2: Phong cảnh hẹp | 2 | 60 tiết TH |
| 4 | VISI220216 | Nguyên lý thị giác | 2 | |
| 5 | LAPA221516 | ĐA bố cục tạo hình kiến trúc | 2 | HT_(LAPA221016) HT_(SCPA231116) |
| 6 | SAPP421716 | Đồ án thiết kế kiến trúc: quán hoa, quán sách, bến xe bus, bến tàu thủy | 2 | HT_(LAPA221016) HT_(SCPA231116) SS_(PCIA341616) |
| 7 | APSH422016 | Đồ án thiết kế kiến trúc: Nhà ở riêng lẻ | 2 | HT_(SAPP421716) HT_(PCIN341316) HT_(PCIA341616) |
| Tổng | | | 18 | |

Học kỳ 4:

| STT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-----|------------|---|-------|---|
| 1 | MEBU244817 | Cơ học công trình | 4 | HT_(MATH132401) |
| 2 | MATE220316 | Hình họa 4: Đặc tả chất liệu | 2 | HT_(STIL220116) |
| 3 | DECO220416 | Trang trí cơ bản | 2 | |
| 4 | ACAD121216 | Thực tập tin học chuyên ngành kiến trúc 1 : (AUTOCAD+ SKETCHUP) | 2 | |

| | | | | |
|-------------|------------|--|-----------|--|
| 5 | INAP320916 | ĐA Cơ sở kiến trúc 4: Vẽ ghi | 2 | HT_(INAP320816) HT_(PCIN341316) |
| 6 | SAPP421816 | Đồ án thiết kế kiến trúc CTCC 1: quy mô nhỏ | 2 | HT_(PCIN341316) SS_(PCIA341616) |
| 7 | PCII220516 | Nguyên lý thiết kế Nội Ngoại thất | 2 | HT_(IVNC320905) HT_(PCIA341616) HT_(LAPA221016) HT_(VISI220216) |
| 8 | APID220616 | Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 1 | 2 | HT_(IVNC320905) HT_(PCII220516) HT_(PCIA341616) HT_(LAPA221016) |
| Tổng | | | 18 | |

Học kỳ 5:

| STT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-----|------------|--|-------------------|---|
| 1 | DECO320116 | Trang trí chuyên ngành 1 | 2 | HT_(DECO220416) 60 tiết TH |
| 2 | REVT122616 | Thực tập tin học chuyên ngành kiến trúc 2: (REVIT+3DMAX) | 2 | HT_(ACAD121216) |
| 3 | STBU245217 | Kết cấu công trình (BTCT+Thép+Gỗ) | 4 | HT_(MEBU244817) |
| 4 | DESI320216 | Thiết kế và triển khai cấu tạo các sản phẩm nội thất | 2 (1+1) | HT_(IVNC320905) HT_(PCIA341616) |

| | | | | |
|-------------|------------|---|-----------|---|
| | | | | HT_(LAPA221016) HT_(VISI220216) HT_(PCII220516) |
| 5 | APID320316 | Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 2 | 2 | HT_(APID220616) |
| 6 | APLH433316 | Đồ án thiết kế kiến trúc: Nhà ở thấp tầng | 3 | HT_(APSH422016) HT_(PCIA341616) HT_(PCIN341316) |
| 7 | TPRA312216 | Thực tập kỹ thuật | 1 | HT_(INAP320916) HT_(PCIA341616) HT_(PCIN341316) |
| 8 | x | <i>KHXX&NV (SV tự chọn khi ĐKMH)</i> | 2 | |
| Tổng | | | 18 | |

Học kỳ 6:

| STT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-----|------------|--|-------|---|
| 1 | MATE320416 | Chất liệu nội ngoại thất | 2 | |
| 2 | TEHU122916 | Cây xanh, môi trường & Con người | 2 | |
| 3 | DECO320516 | Trang trí chuyên ngành 2 | 2 | HT_(DECO320116) |
| 4 | WARH323016 | Lịch sử kiến trúc phương Tây | 2 | HT_(IVNC320905) HT_(ARTH120316) |
| 5 | MANU320616 | Đồ án sản xuất và thi công các sản phẩm nội ngoại thất | 2 | HT_(DESI320216) |
| 6 | APID320716 | Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 3 | 2 | HT_(APID320716) |

| | | | | |
|-------------|------------|--|-----------|--|
| 7 | APID320816 | Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 1 | 2 | HT_(IVNC320905) HT_(PCII220516) HT_(PCIA341616) HT_(LAPA221016) |
| 8 | PLAR324316 | Kiến trúc cảnh quan | 2(1+1) | HT_(VISI220216) HT_(ARTH120316) HT_(PCIA341616) HT_(LAPA221016) HT_(PCII220516) HT_(TEHU122916) |
| Tổng | | | 16 | |

Học kỳ 7:

| STT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-----|------------|--|-------|---|
| 1 | EQUB344116 | Trang thiết bị nội ngoại thất công trình | 4 | HT_(PCIA341616) HT_(PCIN341316) |
| 2 | EARH333816 | Lịch sử kiến trúc phương Đông & Việt Nam | 3 | HT_(ARTH120316) |
| 3 | SCIC421516 | Chuyên đề Doanh nghiệp (Kiến trúc nội thất) | 2 | |
| 4 | BIMA112716 | Thực tập tin học chuyên ngành Kiến trúc 3: (B.I.M) | 1 | HT_(ACAD121216) HT_(REVT122616) |
| 5 | APID420116 | Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 2 | 2 | HT_(APID320816) |
| 6 | APID420216 | Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 3 | 2 | HT_(APID420116) |
| 7 | RENO420316 | Đồ án cải tạo nhà ở | 2 | HT_(PCIA341616) |

| | | | | |
|-------------|--|--|-----------|------------------------------------|
| | | | | HT_(PCII220516) HT_(STBU245217) |
| Tổng | | | 16 | |

Học kỳ 8:

| STT | STT | Tên MH | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-----|------------|--|--------|---|
| 1 | x | Chuyên ngành tự chọn (SV tự chọn khi ĐKMH) | 2(1+1) | |
| 2 | x | Chuyên đề tốt nghiệp tự chọn (SV tự chọn khi ĐKMH) | 2(1+1) | |
| 3 | ARPE424716 | Đồ án thiết kế ngoại thất: cảnh quan sân vườn, công viên | 2 | HT_(PLAR324316) HT_(VISI220216) HT_(PCII220516) |
| 4 | APID420416 | Đồ án thiết kế Nội thất công trình thông minh | 2 | HT_(PCIA341616) HT_(PCII220516) HT_(EQUB324116) APID320716 APID420216 |
| 5 | APID430516 | Đồ án thiết kế Nội Ngoại thất tổng hợp | 3 | HT_(APID420416) HT_(RENO420316) |
| 6 | GRAP420616 | Thực tập tốt nghiệp (Kiến trúc nội thất) | 2 | HT_(PCIN341316) HT_(PCIA322316) HT_(PCII220516) HT_(DESI320216) |
| 7 | LEBU320026 | Lãnh đạo và kinh doanh trong kỹ thuật | (2) | |

| | | | | |
|-------------|------------|----------------------|-----------|---|
| 8 | VIST410716 | Thực tập - Tham quan | 1 | HT_(PCIN341316) HT_(PCIA322316) HT_(UPLA323116) HT_(APID434416) HT_(APID320816) |
| Tổng | | | 14 | |

Học kỳ 9:

| STT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã Học phần trước, Học phần tiên quyết |
|-------------|------------|---|----------|---|
| 9 | FIND490816 | Khóa luận tốt nghiệp Kiến trúc nội thất | 9 | |
| Tổng | | | 9 | |

Tổng số 155 TC

11 MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

11.1 Triết học Mác - Lênin

3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

11.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Triết học Mác - Lênin

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

11.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Triết học Mác - Lênin

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, con người; Đạo đức.

11.4. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Triết học Mác - Lênin

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

11.5. Lịch sử Đảng CSVN

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

11.6. Pháp luật đại cương

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, bao gồm: lý luận chung về nhà nước và pháp luật (nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng cơ bản của nhà nước; nguồn gốc, hình thức, khái niệm, thuộc tính của pháp luật); hệ thống pháp luật và quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các chế định luật cơ bản của một số ngành luật quan trọng.

11.7. Toán 1

3 TC

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Toán 1 cung cấp các kiến thức cơ bản về giới hạn, tính liên tục và phép tính vi tích phân của hàm một biến.

11.8. Hình học họa hình 1: Giao - hình chiếu thẳng góc

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp người học khả năng nghiên cứu, biểu diễn một không gian hình học lên một không gian hình học khác (thường có chiều thấp hơn) rồi dùng các hình biểu diễn ấy để nghiên cứu không gian hình học ban đầu.

11.9. Hình học họa hình 2: Hình chiếu phối cảnh

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(1/1/4)**

Học phần trước: Hình học họa hình 1: Giao - hình chiếu thẳng góc

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Hình học họa hình 2 hướng dẫn người học nghiên cứu cách thức biểu diễn một không gian hình học 2 chiều lên không gian hình học 3 chiều tạo thành hình chiếu phối cảnh.

11.10. Thực tập tin học chuyên ngành kiến trúc 1 (AUTOCAD+3DMAX)

2TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng thực hành về:

CAD (Computer Aided Design) thể hiện về kỹ thuật trên máy tính theo đúng quy cách thông qua các kiến thức về: tỉ lệ, kích thước, các hình chiếu, hình cắt, mặt cắt...

3DMAX hỗ trợ thực hiện dựng hình ảnh 3D diễn họa kiến trúc và đặc biệt là chuyên sâu về nội thất công trình. Sinh viên sử dụng công nghệ này để nghiên cứu đề xuất phương án, thực hiện concept các dự án kiến trúc, cảnh quan, nội thất cho công trình.

11.11. Thực tập tin học chuyên ngành kiến trúc 2: (REVIT+3DMAX)

2TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Thực tập tin học chuyên ngành 1 (AUTOCAD+3DMAX)

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này hướng dẫn cho sinh viên ngành kiến trúc nội thất tiếp cận các phần mềm ứng dụng mang tính thực tế, đặc biệt phần mềm Virtual - Thực tế ảo có khả năng mô phỏng số hóa vật thể trong không gian 3 chiều:

SKETCHUP sẽ hỗ trợ thực hiện ứng dụng từ 2D sang 3D dữ liệu đồng bộ, và dựng hình ảnh diễn họa kiến trúc. Sinh viên kiến trúc nội thất ứng dụng công nghệ này để thực hiện concept và đề xuất các giải pháp kiến trúc, cảnh quan, nội thất cho công trình.

REVIT sẽ hỗ trợ thực hiện ứng dụng từ 2D sang 3D và đồng bộ số hóa dữ liệu, có khả năng dựng hình ảnh diễn họa kiến trúc nội thất bằng cách cấu trúc thực tế 3D, từ đó có thể liên kết dữ liệu này sang ứng dụng quản lý B.I.M, có khả năng ứng dụng kế thừa nhau trong 03 giai đoạn chính: Thiết kế kiến trúc nội thất (architecture), thiết kế kết cấu (structure), thiết kế cơ điện (MEP)

VIRTUAL là phần mềm mô phỏng trực quan cho phép người sử dụng tương tác trực tiếp với đối tượng được thiết kế, từ đó có cái nhìn đa chiều toàn diện hơn về đối tượng và đưa ra những điều chỉnh trực tiếp. Phần mềm cho phép người thiết kế có thể thăm quan chính công trình thiết kế của mình ngay cả khi chưa đưa vào xây dựng trên thực tế. Sinh viên ứng dụng công nghệ này để thực hiện concept tối ưu hóa sử dụng ánh sáng, vật liệu trong đề xuất giải pháp thiết kế kiến trúc, nội thất, cảnh quan.

11.12. Thực tập tin học chuyên ngành Kiến trúc 3 (B.I.M)

1 TC

Phân bố thời gian học tập: **1(0/1/2)**

Học phần trước: Thực tập tin học chuyên ngành Kiến trúc Nội thất 1 (AUTOCAD+3DMAX), Thực tập tin học chuyên ngành Kiến trúc Nội thất 2 (REVIT+Thực tế ảo)

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng B.I.M trong ngành xây dựng nói chung và phục vụ ngành Kiến trúc Nội thất nói riêng, dựa trên việc thiết lập các mô hình 3D kỹ thuật số ngay từ giai đoạn nghiên cứu ban đầu cho đến bước vận hành quản lý của một dự án thiết kế. Mô hình B.I.M được mô phỏng kèm theo tất cả các thông tin liên quan, có khả năng thay đổi cũng như kết nối và tự động cập nhật những hiệu chỉnh liên quan xuyên suốt trong quá trình phát triển dự án. Học phần giúp sinh viên làm chủ một công nghệ tin học ứng dụng hiện đại trong thiết kế và quản lý xây dựng, giúp KTS chủ động trong quá trình hành nghề thời đại CN 4.0.

11.13. Nhập môn Kiến trúc Nội thất

3 TC

Phân bố thời gian học tập: **3(2/1/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Kiến trúc Nội thất nhập môn là một trong những học phần tiên quyết được giới thiệu ngay từ đầu nhằm cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về ngành học lựa chọn để từ đó định hướng học tập bản thân, trang bị kiến thức căn bản để sinh viên tiếp tục học

các học phần chuyên sâu. Học phần đưa ra các khái niệm, các yếu tố và mối liên hệ giữa chúng trong một tổng thể công trình như: yếu tố văn hóa, kiến trúc, nội thất, ánh sáng, môi trường, vật liệu, tỉ lệ hình khối... Học phần cũng giới thiệu quy trình triển khai công việc, phương pháp nghiên cứu và tư duy sáng tạo của người kiến trúc sư.

11.14. Cơ sở văn hóa Việt Nam

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(2/0/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung kiến thức cơ bản và thiết thực nhất về văn hóa kiến trúc Việt Nam (VHKTVN): mối quan hệ và tác động của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và văn hóa đối với kiến trúc; đặc điểm của các thành tố văn hóa Việt Nam, diễn trình của lịch sử văn hóa Việt Nam, các đặc trưng của các vùng văn hóa, đặc biệt là văn hóa của tộc người chủ thể, có sự liên hệ, so sánh các giá trị văn hóa giữa các tộc người trên cơ sở mối liên hệ và ảnh hưởng với kiến trúc, đặc biệt là kiến trúc ở. Tổ chức cho sinh viên tìm hiểu, thuyết trình, nhận thức (văn hóa nhận thức); tổ chức đời sống (văn hóa tổ chức đời sống); ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội (văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội). Học phần đặc biệt cung cấp ảnh hưởng cũng như mối quan hệ của đặc trưng văn hóa tới không gian sống, phong cách kiến trúc và trang trí nội thất trong không gian sống của người Việt theo tiến trình phát triển của lịch sử. Từ đó hiểu hơn về phong tục, tập quán, văn hóa ở và con người Việt nam – cơ sở để tạo nên những công trình mang đậm Văn hóa Việt cũng như đáp ứng tối đa tính đặc trưng của người Việt.

11.15. Cây xanh, Môi trường & Con người

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(2/0/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giới thiệu mối quan hệ chặt chẽ giữa Con người với Môi trường và vai trò của Cây xanh trong hệ sinh thái tự nhiên cũng như trong việc cải thiện chất lượng môi trường sống – Một thành phần quan trọng trong sản phẩm của thiết kế kiến trúc nội thất. Từ đó giúp người học ý thức hơn đến Môi trường trong quá trình hành nghề hướng đến tạo ra các công trình mang tính bền vững, có mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ với môi trường xung quanh và hài hòa với cảnh quan tự nhiên

11.16. Vật lý Kiến trúc (quang học – thông gió, âm học)

4 TC

Phân bố thời gian học tập: **4(3/1/8)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần có vai trò quan trọng trong việc cung cấp kiến thức về các yếu tố liên quan và tác động trực tiếp đến chất lượng sử dụng của công trình, gồm 3 phần chính:

- Phần quang học: Đưa ra những khái niệm cốt lõi về quang học, từ đó cung cấp khả năng bố trí, xử lý ánh sáng tự nhiên và nhân tạo trong việc tính toán và thiết kế chiếu sáng công trình xây dựng – yếu tố quan trọng trong việc sử dụng, cảm nhận của con người với công trình.

- Phần thông gió: Dựa trên đặc điểm khí hậu Việt Nam, mối quan hệ giữa Khí hậu – Kiến trúc – Con người. Học phần giúp người học tính toán khả năng đối lưu, thông gió, khả năng hấp thụ và truyền nhiệt qua cấu trúc, từ đó thiết kế giải pháp thiết kế kiến trúc thích ứng với điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, thông gió tự nhiên và cách nhiệt cho công trình kiến trúc.

- Phần âm học: Cung cấp những kiến thức về âm thanh, giúp người học có khả năng tính toán được ảnh hưởng của trang âm đến chất lượng sử dụng công trình. Người học cũng có khả năng tính toán và thiết kế trang âm của các không gian phức tạp như phòng khán giả, chống tiếng ồn, thiết kế và chọn lựa vật liệu cách âm.

11.17. Hình họa 1: Tượng + Người

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Hình họa 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng nghiên cứu hình họa cơ thể người bằng chất liệu chì (trắng đen) trên tượng thạch cao cũng như trên mẫu người thật; giúp sinh viên khái quát về cấu trúc, tỉ lệ của cơ thể người; nắm được tiến trình các bước thực hành bài vẽ tượng từ chân dung đến toàn thân bằng chất liệu chì, đạt yêu cầu về bố cục, đúng về cấu trúc, tỉ lệ đầu – thân người như đã được học và đúng về hệ thống sáng tối của toàn bộ khối mẫu đặt trong không gian không gian.

11.18. Hình họa 2: Phong cảnh hẹp

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Hình họa 2 cung cấp kiến thức và kỹ năng nghiên cứu phong cảnh trên chất liệu màu nước; giúp sinh viên nắm được nội dung, tiến trình, các bước thực hành bài vẽ màu nước thể loại phong cảnh đạt yêu cầu về bố cục, thể hiện được đặc trưng của chất liệu màu nước. Học phần đặc biệt chú trọng đến thể hiện phong cảnh hẹp hoặc diễn tả nội thất, giúp sinh viên ngành Kiến trúc nội thất nắm chắc kỹ năng thể hiện bài vẽ phong cảnh với các loại chi tiết, hình khối, không gian xa gần có đặc điểm khác nhau.

11.19. Hình họa: Tĩnh vật màu

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần hướng dẫn nghiên cứu thực hành các bài hình họa màu cơ bản bằng chất liệu màu nước trên mẫu tĩnh vật; giúp sinh viên rèn luyện kiến thức cơ bản về hình; trang bị cho sinh viên các nguyên lý cơ bản về màu trong diễn tả không gian, diễn tả hòa sắc nóng hoặc lạnh và diễn tả không gian trong tối - ngoài sáng thông qua nóng lạnh của màu trên bố cục bài tĩnh vật.

11.20. Hình họa 4: Đặc tả chất liệu

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Hình họa 3 : Tĩnh vật màu

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần hình họa nghiên cứu chuyên sâu về đặc tả chất liệu, một yếu tố quan trọng giúp hình thành cảm thụ về chất liệu vật liệu nội ngoại thất cho sinh viên ngành Kiến trúc nội thất. Sinh viên được học, nghiên cứu các nguyên lý cơ bản về các loại chất liệu khác nhau cũng như sự tương tác giữa chúng trong một tổng thể bố cục; Sinh viên được thực hành trau dồi kỹ năng thể hiện diễn tả hòa sắc nóng hoặc lạnh, diễn tả tính chất vật liệu cứng-mềm, nhẵn, bóng, kim loại, nhựa, gỗ, da... và diễn tả chúng trong không gian tối - sáng theo bố cục

11.21. Trang trí cơ bản

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát sự vật thông qua màu sắc, nắm vững phương pháp tổ chức màu sắc, phối màu trong tổng thể tương quan sự vật, cảm nhận về chất của màu trong tự nhiên, sự thay đổi của màu sắc, sắc độ đậm nhạt dưới tác động của ánh sáng. Người học cũng biết khai thác đưa được những hình ảnh, chất lọc tinh tế có tính nghệ thuật trang trí cao, nhằm tái hiện lại không gian cuộc sống của con người và thiên nhiên thông qua hình ảnh đã được cách điệu vào trong bài trang trí. Qua đó giúp sinh viên có cách nhìn tinh tế về cảm nhận màu sắc: biết nghiên cứu cuộc sống, đưa được những ý tưởng và cách thể hiện có tính trang trí trong chuyên ngành mỹ thuật ứng dụng.

11.22. Trang trí chuyên ngành 1

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Trang trí cơ bản

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thực hành ghi chép, ký họa từ cuộc sống và cách điệu theo ngôn ngữ đồ họa, phát triển họa tiết dưới hình thức là một đơn vị (modun) phát triển thành bố cục đa chiều (có quy luật) tạo hiệu ứng thị giác bằng các sắc độ Đen – Trắng, từ đó ứng dụng những họa tiết đã cách điệu trên thành bố cục trang trí màu trong nội thất công trình có chủ đề. Học phần giúp người học nắm vững được nguyên lý thiết kế các thành phần cơ bản trang trí chuyên ngành, có kiến thức về màu sắc nội thất, chất liệu trang trí nội thất.

11.23. Trang trí chuyên ngành 2

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Trang trí chuyên ngành 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thực hành tạo ra một bố cục có ý nghĩa từ các hình cơ bản, từ đó tạo lập hình tượng dạng khối từ các hình lựa chọn trong một không gian nội ngoại thất, kết hợp đan xen với việc sử dụng màu sắc để làm nổi bật lên ý tưởng thiết kế. Học phần giúp người học nâng cao kỹ năng sử dụng hình khối, màu sắc trong trang trí không gian nội ngoại thất cũng như tư duy cảm nhận về hình, diện, khối trong thiết kế nội thất, xử lý mối quan hệ giữa các thành phần hội họa, điêu khắc trang trí.

11.24. Nguyên lý thị giác

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(1/2/)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Nguyên lý thị giác là học phần nền tảng của lĩnh vực thiết kế và đồ họa, Học phần có vai trò quan trọng giúp sinh viên hình thành cảm nhận được sự tinh tế về bề mặt, hình dáng, tỉ lệ, màu sắc, chất liệu cũng như cảm thụ chiều sâu của sản phẩm thiết kế. Học phần chú trọng đến những định luật thị giác như: định luật khoảng cách, định luật trước – sau, định luật đồng đẳng, định luật liên tục, định luật sự khép kín, định luật liên tưởng, định luật chuyển đổi, định luật nhấn nhá...là cơ sở nền tảng cho học phần Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất. Phần nghệ thuật sắp đặt là phần được nâng cao, giúp sinh viên hoàn thiện khả năng bố cục, bài trí, sắp đặt các vật thể hoặc sản phẩm nội ngoại thất trong không gian thực, đặc biệt quan trọng trong việc nghiên cứu, lựa chọn, bố trí sắp đặt vật dụng trong các không gian kiến trúc được thiết kế theo xu hướng tối giản thịnh hành hiện nay.

11.25. Lịch sử nghệ thuật

2TC

Phân bố thời gian học tập: **2(2/0/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giới thiệu cho sinh viên nắm được sự phát triển cũng như đặc điểm của các phong cách, các trường phái, trào lưu lớn của nghệ thuật thế giới như: Mỹ thuật Nguyên Thủy và Cổ Đại thế giới, Phục Hưng, Phương tây các giai đoạn,... lịch sử hình thành và phát triển nghệ thuật Việt nam từ trước tới nay. Qua đó sinh viên thấy được ý nghĩa cũng như sự biểu cảm của các ngôn ngữ tạo hình qua các tác phẩm nghệ thuật.

11.26. Đồ án Cơ sở kiến trúc 1: Đường nét - chữ số

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(2/0/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Thông qua việc thực hiện các bản vẽ theo mẫu, học phần trang bị những kiến thức về các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn, ký hiệu và kỹ năng cho sinh viên thực hiện trình bày bản vẽ kỹ thuật ngành xây dựng. Sinh viên nắm được các phương pháp sử dụng các họa cụ thường dùng trong bản vẽ kỹ thuật... cho đến qui cách thiết lập các hình chiếu cơ bản của một công trình kiến trúc.

11.27. Đồ án Cơ sở kiến trúc 2: Vẽ mẫu nhà

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(2/0/4)**

Học phần trước: Đồ án Cơ sở kiến trúc 1: Đường nét - chữ số

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Thực tập vẽ lại các bản vẽ mẫu nhà giúp sinh viên nắm được phương pháp, trình tự, quy định, quy chuẩn, bố cục một phương án hoặc bản vẽ thiết kế kiến trúc công trình. Có kỹ năng thể hiện, biểu đạt nội dung và ý đồ thiết kế thông qua nét vẽ từ mặt bằng tổng thể, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng, phối cảnh, chi tiết cấu tạo..., kỹ năng sử dụng các chất liệu vẽ để mô tả nhanh các nội dung thiết kế, ý nghĩa, mục đích và phạm vi sử dụng của các loại bản vẽ kiến trúc. Hướng dẫn cách sắp xếp các nội dung thiết kế trên bản vẽ nhằm làm nổi bật được ý đồ và đặc điểm kiến trúc của công trình.

11.28. Đồ án Cơ sở kiến trúc 3: Diễn họa – Kiến trúc nhỏ

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(2/0/4)**

Học phần trước: ĐA Cơ sở kiến trúc 2: Vẽ mẫu nhà

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Thông qua các bài thực hành thể hiện hồ sơ kiến trúc, nội thất, học phần đào tạo kỹ năng thể hiện diễn họa kiến trúc và nội thất công trình bằng các loại họa cụ hoặc vật liệu khác nhau: bút chì, bút kim, màu nước,... cũng như nâng cao khả năng lựa chọn bố cục, nhấn, hoàn thiện bản vẽ kỹ thuật thể hiện ý đồ thiết kế theo đúng tiêu chuẩn quy phạm bản vẽ kỹ thuật, tăng chất lượng, tính hấp dẫn và thuyết phục của hồ sơ bản vẽ.

11.29. Đồ án Cơ sở kiến trúc 4: Vẽ ghi

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(2/0/4)**

Học phần trước: ĐA Cơ sở kiến trúc 3: Diễn họa – KT nhỏ, Cấu tạo công trình kiến trúc dân dụng & Công nghiệp – BTL

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Thông qua bài tập tái thể hiện vẽ lại hồ sơ thiết kế của một công trình kiến trúc đã được xây dựng từ tổng thể, các mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt và chi tiết cấu tạo, sinh viên được đào tạo khả năng bao quát, kỹ năng khảo sát hiện trạng cũng như kỹ năng nghiên cứu, phán đoán, suy luận cấu trúc công trình để từ đó lập hồ sơ hiện trạng của công trình.

11.30. Thực hành Điều khắc: Tổ hợp hình khối kiến trúc

3TC

Phân bố thời gian học tập: **3(0/3/6)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần điêu khắc bao gồm 2 phần chính:

Tượng tròn: cung cấp và trang bị những kiến thức cơ bản của ngành Điêu khắc bao gồm: Ngôn ngữ, chất liệu và quy ước về điêu khắc, cấu trúc, bố cục và phương pháp thể hiện tượng tròn. Giúp sinh viên hiểu được vai trò thẩm mỹ của hình khối trong kiến trúc và mối quan hệ giữa điêu khắc và không gian kiến trúc (nội thất và ngoại thất).

Phù điêu: sinh viên được tiếp cận phương pháp thực hành cơ bản, bố cục sáng tác phù điêu, rèn luyện khả năng phân tích, so sánh, bao quát tổng thể về hình, khối, tỉ lệ, ngôn ngữ thể hiện của phù điêu trong điêu khắc. Giúp sinh viên hiểu được vai trò thẩm mỹ của phù điêu trong các công trình kiến trúc và mối quan hệ gắn kết phù điêu - kiến trúc (nội thất và ngoại thất).

11.31. Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc

2TC

Phân bố thời gian học tập: **2(1/1/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: Thực hành Điêu khắc: Tổ hợp hình khối kiến trúc

Tóm tắt nội dung học phần:

Phần một: Nguyên lý thị giác và Bố cục tạo hình căn bản. Bài tập thực hành 1 & 2: Tạo hình căn bản và bố cục tạo hình bình diện.

Phần hai: Khối - không gian và Bố cục tạo hình hình khối không gian. Bài tập thực hành 3 & 4: Tạo hình lập thể và bố cục tạo hình hình khối không gian.

Phần ba: Bố cục tạo hình một không gian phản ánh chủ đề sáng tác; Tạo hình biểu tượng trọng tâm của không gian.

11.32. Đồ án bố cục tạo hình kiến trúc

2TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Thực hành Điêu khắc: Tổ hợp hình khối kiến trúc, Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần đồ án áp dụng các nguyên lý về bố cục tạo hình kiến trúc để thực hiện:

- Bố cục tạo hình một không gian phản ánh chủ đề sáng tác;
- Tạo hình biểu tượng trọng tâm của không gian.

Trong đó, tập trung chủ yếu vào:

- Tạo lập cấu trúc không gian;
- Tổ hợp các yếu tố tạo hình tạo ra tác phẩm;
- Trình tự nghiên cứu và sáng tác một tác phẩm BCTH.

11.33. Cấu tạo công trình kiến trúc dân dụng & Công nghiệp – BTL

4TC

Phân bố thời gian học tập: **4(1/3/8)**

Học phần trước: Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình Dân dụng

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần áp dụng phương pháp truyền đạt kiến thức theo thực hành “Project based-learning” lần lượt cung cấp kiến thức và kỹ năng thiết kế các bộ phận cấu tạo trong công trình kiến trúc của một dự án cụ thể. Song song là các nguyên tắc kết hợp giữa các chi tiết hình thành lên công trình; đảm bảo cho công trình kiến trúc ổn định, bền vững; chống lại các tác động bất lợi từ môi trường tự nhiên, môi trường xã hội trong quá trình sử dụng công trình. Từ đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thể hiện, trình bày các bản vẽ kỹ thuật đúng quy cách, phù hợp các tiêu chuẩn, quy phạm của ngành, giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để nghiên cứu sáng tạo trong thiết kế sáng tác, đáp ứng các yêu cầu của kiến trúc và kiến trúc nội thất.

11.34. Cơ học công trình

4TC

Phân bố thời gian học tập: **4(4/0/8)**

Học phần trước: Toán 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp khả năng tính toán, xác định cách làm việc của các loại cấu kiện khác nhau cũng như khả năng làm việc của chúng trong hệ kết cấu công trình

- Tính toán nội lực của hệ thanh tĩnh định làm việc trong giai đoạn đàn hồi, đàn hồi tuyến tính.
- Tĩnh học: các khái niệm cơ bản và hệ tiên đề tĩnh học, thu gọn hệ lực, điều kiện cân bằng của hệ lực, bài toán cân bằng của vật rắn – hệ vật rắn, ma sát, trọng tâm.
- Sức bền vật liệu: Nêu cách tính nội lực của cấu kiện chịu kéo, nén đúng tâm, uốn ngang phẳng, thanh chịu lực phức tạp, ổn định của thanh chịu nén đúng tâm.

11.35. Kết cấu công trình (BTCT+Thép+Gỗ)

4TC

Phân bố thời gian học tập: **4(4/0/8)**

Học phần trước: Cơ học công trình

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Sinh viên được trang bị kiến thức chuyên sâu và khả năng tính toán, thiết kế một số dạng kết cấu cơ bản

Với kết cấu bê tông cốt thép, sinh viên có thể tính toán những cấu kiện đơn giản, chọn tiết diện đầm bê tông, tiết diện cột, chiều dày sàn chịu lực cho công trình.

Với kết cấu gỗ, sinh viên có thể tính toán những cấu kiện đơn giản, cũng như tính toán, lựa chọn các hình thức liên kết, chọn tiết diện gỗ với nhiều dạng kết cấu gỗ chịu lực khác nhau

Phần kết cấu gạch – đá phần sẽ giới thiệu tóm tắt về tính năng cơ lý của khối xây gạch và gạch đá, có cốt thép hay không có cốt thép, kỹ năng tính toán những khối xây chịu các trạng thái ứng suất khác nhau.

11.36. Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình Dân dụng

4 TC

Phân bố thời gian học tập: **4(4/0/8)**

Học phần trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần nền tảng trước khi sinh viên bắt đầu thực hành các đồ án thiết kế kiến trúc riêng lẻ. Học phần cung cấp hệ thống nguyên lý thiết kế, các quy chuẩn, quy phạm, tiêu chuẩn cần nghiên cứu và đáp ứng khi thiết kế một công trình kiến trúc. Hệ thống kiến thức phân theo 2 lĩnh vực lớn cung cấp khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng liên quan đến:

Thiết kế kiến trúc Nhà ở:

- Khái niệm và phân loại kiến trúc nhà ở.
- Khái quát về kiến trúc nhà ở thấp tầng.
- Nguyên tắc thiết kế và phân khu chức năng trong nhà ở.
- Yêu cầu thiết kế tiện nghi vật chất và tinh thần.

Thiết kế kiến trúc Công cộng:

- Khái niệm và phân loại kiến trúc công trình công cộng
- Nguyên tắc thiết kế và phân khu chức năng trong nhà ở.
- Nguyên tắc tổ hợp hình khối công trình công cộng

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng, vận dụng kiến thức trong hoạt động nghề nghiệp thiết kế công trình kiến trúc, trong đó nhấn mạnh mối liên hệ hữu cơ giữa: Môi trường – quy hoạch, chức năng – tiện nghi, kỹ thuật – vật liệu, hình thức – thẩm mỹ kiến trúc.

11.37. Nguyên lý thiết kế Nội Ngoại thất**2TC***Phân bố thời gian học tập:* **2(2/0/4)**

Học phần trước: Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc, Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình Dân dụng, Nguyên lý thị giác

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cần thiết về lịch sử phát triển nội thất, vai trò, mục đích, nội dung và phương pháp thiết kế kiến trúc nội thất. Trong đó, sinh viên không chỉ được học về các nguyên lý thiết kế nội thất, thiết kế các thành phần nội thất cơ bản, trình tự thiết lập hồ sơ nội thất, mà còn được trang bị tư duy, kỹ năng xử lý dây chuyền công năng cũng như đánh giá tác động qua lại của không gian kiến trúc đến hiệu quả của việc thiết kế nội thất. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về màu sắc, xử lý các ảnh hưởng kỹ thuật đến tổng thể nội thất (Kết cấu, thiết bị điều hoà, chiếu sáng...) – kiến thức nền tảng cho các đồ án thiết kế nội thất tiếp theo.

11.38. Trang thiết bị nội ngoại thất công trình**4 TC***Phân bố thời gian học tập:* **4(4/0/6)**

Học phần trước: Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình Dân dụng; Cấu tạo kiến trúc công trình DD & CN – BTL

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Trang thiết bị kỹ thuật công trình là môn học tích hợp nhiều ngành kỹ thuật (Thiết bị cấp thoát nước công trình, điện chiếu sáng, điện trang trí, hệ thống PCCC, điều hoà, thông gió, thông tin, thang máy, ...). Mỗi ngành thuộc phạm trù kỹ thuật riêng nhưng được kết nối chung trong một tổng thể công trình kiến trúc nhằm đảm bảo yêu cầu sử dụng của công trình một cách tối ưu nhất. Môn học trang bị cho người học những kiến thức về các mảng kiến thức độc lập để vận dụng trong việc bố trí, gắn kết thành một hệ thống trong quá trình hình thành ý tưởng thiết kế kiến trúc. Từ đó tạo thành một mạng lưới hệ thống không gian kỹ thuật trong công trình sao cho đảm bảo quy trình lắp đặt, vận hành bảo dưỡng ...đạt tiêu chuẩn, yêu cầu kiến trúc và kỹ thuật. Môn học đặc biệt cần thiết với Kiến trúc sư chủ trì công trình hoặc chủ nhiệm Dự án.

11.39. Thiết kế và triển khai cấu tạo các sản phẩm nội thất**2TC***Phân bố thời gian học tập:* **2(1/1/4)**

Học phần trước: Nhân trắc học, Nguyên lý thị giác, Nguyên lý thiết kế Nội Ngoại thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên kỹ năng tổng hợp kiến thức về thiết kế Nội ngoại thất, các bài học chuyên ngành Mỹ thuật đã được học vào việc thiết kế một đồ đạc, vật trang trí hoặc 1 thành phần nội thất, ngoại thất trong không gian công trình cụ thể. Sinh viên được trang bị kỹ năng về trình tự nghiên cứu thiết kế, tỷ lệ con người với thiết kế đồ đạc, design tạo dáng, mối liên hệ giữa phần nội thất một công trình với đồ đạc, phối hợp giữa giải pháp trang trí với kỹ thuật sản xuất, vật liệu, chất liệu, màu sắc... của sản phẩm nội ngoại thất. Sinh viên tự thực hiện một hồ sơ thiết kế đồ đạc chi tiết, trong đó có triển khai thành các chi tiết để chế tạo.

11.40. Chất liệu nội ngoại thất

2TC

Phân bố thời gian học tập: **2(2/0/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, tính chất kỹ thuật, tính chất đặc thù, điều kiện hình thành, công nghệ chế tạo của một số loại vật liệu, chất liệu nội ngoại thất. Kết hợp giữa lý thuyết với thực hành về sự khác biệt và ngôn ngữ biểu cảm của các loại chất liệu, sự tương đồng hay tương phản của các chất liệu khi kết hợp với nhau, phục vụ thiết thực việc tăng hiệu quả thẩm mỹ khi thể hiện tác phẩm. Từ đó giúp cho các kiến trúc sư tương lai đưa ra những ứng xử hiệu quả nhất khi nghiên cứu lựa chọn sử dụng

11.41. Lịch sử kiến trúc phương Đông & Việt Nam

3 TC

Phân bố thời gian học tập: **3(3/0/6)**

Học phần trước: Cơ sở văn hóa Việt nam, Lịch sử nghệ thuật

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của các nền kiến trúc phương Đông, đặc biệt là kiến trúc Việt Nam. Sinh viên được giới thiệu điểm giống nhau & khác nhau tương ứng với bối cảnh lịch sử - văn hóa xã hội từng thời kỳ, gồm các nội dung học phần: Bối cảnh tự nhiên – xã hội, phân kỳ lịch sử kiến trúc, loại hình và các đặc điểm kiến trúc... Từ đó hình thành ý thức về tính bản địa và bản sắc đặc trưng riêng của Kiến trúc dân tộc trong từng sinh viên

11.42. Lịch sử kiến trúc phương Tây

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(2/0/4)**

Học phần trước: Lịch sử nghệ thuật

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của các nền kiến trúc phương Tây, đặc biệt là các nền kiến trúc đặc trưng và phát triển trên thế giới qua các giai đoạn lịch sử khác nhau từ cổ đại đến đương đại, hiện đại. Cung cấp những thông tin về bối cảnh tự nhiên – xã hội, phân kỳ lịch sử kiến trúc, loại hình và các đặc điểm kiến trúc... cũng như những tác động và ảnh hưởng qua lại của các nền kiến trúc phương Tây

11.43. Kiến trúc cảnh quan

2TC

Phân bố thời gian học tập: **2(1/1/4)**

Học phần trước: Nhân trắc học, Nguyên lý thị giác, Lịch sử nghệ thuật, Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc, Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình Dân dụng, Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất, Cây xanh, môi trường và con người

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về cảnh quan, kiến trúc cảnh quan, phân loại đánh giá cảnh quan, mối quan hệ giữa cảnh quan tự nhiên và cảnh quan nhân tạo, phân tích những yếu tố cấu thành và những tác động trong việc hình thành kiến trúc cảnh, thiết kế cảnh quan đô thị cũng như cảnh quan xung quanh và bên trong công trình. Từ đó tăng khả năng tư duy thiết kế một tổng thể công trình hài hòa với bối cảnh.

11.44. Chuyên đề Doanh nghiệp

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(2/0/4)**

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần xây dựng khả năng sáng tạo trong khởi nghiệp liên quan đến ngành xây dựng, giúp cho sinh viên hình thành ý tưởng mới mang tính đột phá, cập nhật thời đại. Học phần được tích lũy bao gồm nhiều buổi trao đổi kiến thức trực tiếp trên lớp theo chủ đề, trao đổi trực tiếp trong các buổi hội thảo, báo cáo của các chuyên gia tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc và nội thất

11.45. Đồ án thiết kế kiến trúc: Quán hoa, Quán sách, Bến xe bus, Bến tàu thủy

2TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình DD, Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc, Thực hành Điều khắc: Tổ hợp hình khối kiến trúc

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là đồ án đầu tiên thuộc thể loại công cộng có quy mô nhỏ dạng dịch vụ, có tính đến yếu tố bố cục tạo hình và trang trí trong một không gian vui chơi giải trí, khu công cộng đông người, trang trí tạo bộ mặt thẩm mỹ cho không gian công cộng đô thị. Việc tiếp cận đồ án giúp người học làm quen với kỹ năng thực hiện và biểu đạt ý tưởng cá nhân thông qua hệ thống bản vẽ cũng như làm quen với tư duy sáng tác kiến trúc. Người học bước đầu được làm quen với nhiệm vụ:

- Phân tích nội dung, yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế
- Phương pháp nghiên cứu bố trí mặt bằng- mặt đứng tổng thể, tỷ lệ tầm vóc công trình
- Phân tích mặt bằng (tính toán diện tích, luồng giao thông, sắp xếp bố cục mặt bằng...)
- Phân tích mặt đứng, bố cục hình khối tỷ lệ với không gian tổng thể mặt đứng đô thị
- Thể hiện bản vẽ kỹ thuật, kiến trúc

11.46. Đồ án thiết kế kiến trúc Nhà ở riêng lẻ

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: ĐA thiết kế kiến trúc 1, Cấu tạo kiến trúc công trình DD & CN– BTL

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là đồ án đầu tiên có vai trò quan trọng trong hệ thống đồ án. Đồ án nhà ở yêu cầu sinh viên nghiên cứu, thiết kế dạng nhà ở riêng lẻ, biệt thự có sân vườn hoặc biệt thự song lập – Dạng dự án được tiếp xúc liên tục sau khi ra trường. Sinh viên nắm được quy trình thực hiện một đồ án, từ sơ phác ý tưởng đến phương pháp thể hiện cũng như cách trình bày bố cục một bản vẽ kiến trúc trong giai đoạn thiết kế cơ sở trên khổ giấy quy định.

11.47. Đồ án thiết kế kiến trúc CTCC 1: Quy mô nhỏ

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Đồ án thiết kế kiến trúc: Quán hoa, Quán sách, Bến xe bus, Bến tàu thủy; Cấu tạo kiến trúc công trình DD & CN– BTL

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Đồ án tiếp tục trang bị kỹ năng, phương thức thiết kế một công trình công cộng quy mô nhỏ (thể loại công trình công cộng phục vụ quy mô cấp Quận). Trong đó, mức độ yêu cầu sinh viên nghiên cứu cao hơn, phức tạp hơn, quy mô công trình lớn hơn và có mức độ tương tác với bối cảnh thiết kế mạnh hơn so với đồ án trước đó. Sinh viên chú trọng đến:

- Phân tích nội dung, yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế, tính toán diện tích,...
- Phương pháp nghiên cứu bố trí mặt bằng tổng thể
- Nghiên cứu, phân tích, tổ chức mặt bằng các tầng, quan hệ phòng ốc, giao thông, sắp xếp đồ đạc...
- Nghiên cứu tổ chức không gian kiến trúc, giao thông theo chiều đứng
- Nghiên cứu tổ hợp hình khối mặt đứng
- Thể hiện bản vẽ kỹ thuật, kiến trúc.

11.48. Đồ án thiết kế kiến trúc Nhà ở thấp tầng

3 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/3/4)**

Học phần trước: ĐA thiết kế kiến trúc: Nhà ở riêng lẻ,

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần yêu cầu sinh viên tiếp tục củng cố và vận dụng tốt lý thuyết vào thực tiễn thiết kế nhà ở dạng chung cư với số lượng người, số lượng gia đình tương tác với công trình rất cao. Do đó yêu cầu sinh viên phải chú trọng đến các yếu tố quy chuẩn, tiêu chuẩn trong thiết kế chung cư, giải pháp thoát người... Việc tổ chức mặt bằng chức năng các tầng phức tạp có tính đến mối liên hệ kết hợp giữ chức năng ở và các chức năng phục vụ công cộng, giữa không gian riêng của căn hộ và không gian chung cho cộng đồng dân cư gồm: dịch vụ thương mại, kinh doanh, giải trí; Cách bố cục mặt bằng tổng thể, tổ chức không gian bên trong công trình, thiết kế mặt cắt và mặt đứng công trình; Các giải pháp kiến trúc, kết cấu, vật lý kiến trúc... cho chung cư thấp tầng.

11.49. Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 1

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: ĐA thiết kế kiến trúc: Nhà ở riêng lẻ, Cấu tạo kiến trúc công trình DD & CN– BTL

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên khởi đầu áp dụng lý thuyết Nội ngoại thất đã được học vào việc thiết kế nội thất một không gian ở cụ thể- không gian nhà ở dạng đơn giản. Sinh

viên tự chọn thiết kế nội thất 1 phòng ngủ hoặc 1 phòng khách cho công trình nhà ở lô phố có mức đầu tư thấp. Từ đó sinh viên hình thành tư duy phát triển ý tưởng, nắm được trình tự nghiên cứu thiết kế một đồ án nội thất, mối liên hệ giữa phần kiến trúc với nội thất, vật liệu, chiếu sáng, trang trí không gian trong một công trình

11.50. Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 2

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần đồ án nghiên cứu sâu hơn, yêu cầu cao hơn về nội thất nhà ở. Sinh viên thiết kế nội thất một không gian nội thất liên hoàn, đòi hỏi phong cách đồng bộ gồm 1 phòng ăn + 1 khu bếp dạng kiến trúc nhà ở chung cư cao cấp trong thực tế. Dựa vào hồ sơ kiến trúc căn hộ, sinh viên nghiên cứu mối liên hệ về nội thất giữa các không gian sử dụng; đồ đạc, kết hợp với ý đồ nội thất chung toàn công trình, nghiên cứu tận dụng hiệu quả diện tích sử dụng có giới hạn của loại hình căn hộ cũng như ý đồ tổ chức không gian liên quan.

11.51. Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 3

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Đồ án thiết kế Nội thất nhà ở 1, Thiết kế và triển khai cấu tạo các sản phẩm nội thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Sau khi đã làm làm 2 đồ án nội thất nhà ở, sinh viên tiếp tục nghiên cứu nội thất nhà ở mức độ cao nhất cả về yêu cầu thiết kế, điều kiện kinh tế, có tính đến mối liên hệ không gian mở trong-ngoài công trình. Sinh viên lựa chọn thiết kế nội thất (1 phòng khách hoặc phòng sinh hoạt chung) + sân vườn dạng kiến trúc nhà ở biệt thự vườn, nhà nghỉ cuối tuần cao cấp. Đây là dạng đồ án có yêu cầu rất cao về ý tưởng, tính thẩm mỹ cũng như có sự đồng bộ về phong cách kiến trúc, chất liệu, hệ thống trang thiết bị kỹ thuật... nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng cao cấp.

11.52. Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 1

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc, Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên kỹ năng áp dụng lý thuyết Nội ngoại thất đã được học vào việc thiết kế nội thất một không gian công cộng cụ thể - không gian dịch vụ công cộng có công năng đơn giản. Sinh viên thiết kế nội thất cửa hàng kinh doanh nhỏ diện tích tối thiểu là 50m² nằm trong các phố đô thị. Sinh viên nghiên cứu mối liên hệ giữa phần kiến trúc công trình với nội thất không gian dịch vụ công cộng, phối hợp giữa giải pháp trang trí với hệ thống kỹ thuật nhằm tạo không gian có tính hấp dẫn, cuốn hút người thăm quan nhưng cũng đảm bảo chức năng dịch vụ của cửa hàng.

11.53. Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 2

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Học phần trước: Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần đồ án nghiên cứu sâu hơn, yêu cầu cao hơn về nội thất công trình công cộng. Sinh viên thiết kế nội thất không gian chính của một nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát... diện tích tối thiểu là 100 m² nằm trong các khu phố đô thị. Đây là đồ án nội thất của không gian có tính liên hoàn và chịu ảnh hưởng của các chức năng khác trong công trình, có nghiên cứu liên hệ với không gian sân vườn bên ngoài tạo khoảng mở, cũng như tính đồng bộ hoặc đa dạng hấp dẫn, kết hợp với các yếu tố trang âm, trang trí thông tin quảng cáo, có khả năng đáp ứng gu thẩm mỹ của số đông người tiếp cận sử dụng.

11.54. Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 3

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Học phần trước: Đồ án thiết kế Nội thất công trình công cộng 2

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Sau khi đã làm làm 2 đồ án nội thất công cộng, sinh viên tiếp tục nghiên cứu nội thất công trình công cộng ở mức độ cao cả về yêu cầu thiết kế và quy mô. Sinh viên tự chọn thiết kế nội thất không gian phòng họp lớn hoặc phòng khánh tiết của một Bảo tàng, Nhà Văn hóa hoặc Khách sạn 4 sao, diện tích tối thiểu là 200m². Đây là thể loại công trình đòi hỏi đặc thù công năng và mỹ thuật riêng, hài hòa với phong cách kiến trúc công trình, có sự tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quy phạm sử dụng. Dựa vào hồ sơ kiến trúc công trình cho trước, sinh viên nghiên cứu xử lý được mối liên hệ chặt chẽ giữa phần nội thất và kiến trúc kết hợp với yêu cầu sử dụng công nghệ, phối hợp giữa giải pháp trang trí với hệ thống kỹ thuật công trình.

11.55. Đồ án sản xuất và thi công các sản phẩm nội ngoại thất

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Thiết kế và triển khai các sản phẩm nội ngoại thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là đồ án quan trọng gắn liền với công việc của người Kiến trúc sư trong lĩnh vực nội ngoại thất từ khâu thiết kế, triển khai chi tiết, sản xuất và lắp dựng các sản phẩm nội ngoại thất. Từ hồ sơ thiết kế sản phẩm nội thất thực hiện trong Học phần lý thuyết, sinh viên lựa chọn một số thành phần cụ thể (bàn ghế, tủ giường, mảng tường, trần...), triển khai bản vẽ sản xuất và điều chỉnh thiết kế cho phù hợp với thực tế, tham gia gia công sản phẩm tại xưởng theo tỉ lệ cho trước và triển khai lắp dựng sản phẩm ngoài thực tế, đảm bảo tính thực tiễn của giải pháp thi công cũng như thời gian thực hiện

11.56. Đồ án thiết kế Nội thất công trình thông minh

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất, Trang thiết bị công trình, Đồ án thiết kế nội thất nhà ở 3

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là đồ án có tính thực tế cao trong giai đoạn hiện nay, cập nhật những ý tưởng, công nghệ thời đại vào trong đồ án thiết kế. Bên cạnh nhiệm vụ thiết kế nội thất một công trình nhà ở tự chọn, sinh viên phải lồng ghép được ý tưởng về việc áp dụng các công nghệ mới, hiện đại và có tính tự động hóa cao trong việc nâng cao chất lượng sử dụng công trình, sinh viên cũng được học cách nghiên cứu, sáng tạo ra các sản phẩm có khả năng thích ứng với điều kiện sống của người Việt (diện tích xây dựng không lớn, kinh phí xây dựng hạn chế trong các căn hộ...) bằng cách tạo ra các sản phẩm nội thất có tính linh hoạt cao, đa năng và có thể tùy biến được chức năng sử dụng.

11.57. Đồ án thiết kế nội ngoại thất tổng hợp

3 TC

Phân bố thời gian học tập: **3(0/3/8)**

Học phần trước: Đồ án thiết kế Nội thất công trình thông minh, Đồ án cải tạo nhà ở

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là một đồ án phức hợp có sự tổng hợp các kiến thức đã học và kinh nghiệm của các đồ án trước. Sinh viên tự lựa chọn thể loại công trình có tính đa năng, nhiều không gian như Khách sạn, khu nghỉ dưỡng, bệnh viện, trung tâm hội nghị, nhà văn hoá..... để nghiên

cứu thiết kế chi tiết một số không gian nội thất chính liên hoàn như sảnh chính; khán phòng; không gian giải trí; sảnh khánh tiết, không gian trưng bày.... và ngoại thất cho công trình. Từ đó sinh viên nắm được trình tự thực hiện, thực tập quy trình thực hiện khối lượng một bộ hồ sơ thiết kế nội ngoại thất dạng thiết kế thi công bao gồm cả thuyết minh. Đây là tiền đề cho Đồ án tốt nghiệp

11.58. Đồ án thiết kế ngoại thất: cảnh quan sân vườn, công viên

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Nguyên lý thị giác, Kiến trúc cảnh quan, Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Sau khi đã bước đầu làm quen với việc nghiên cứu một phần sân vườn trong các đồ án nội thất trước đó, sinh viên được nghiên cứu sâu hơn trong việc thiết kế ngoại thất cảnh quan sân vườn của một công trình kiến trúc cụ thể. Dựa vào hồ sơ quy hoạch, kiến trúc công trình cho trước hoặc đồ án trước đó, sinh viên biết cách áp dụng lý thuyết Nội ngoại thất đã được học vào việc quy hoạch chi tiết sân vườn cụ thể, cách bố cục mặt bằng tổng thể, tổ chức không gian bên ngoài công trình. Từ đó nắm chắc mối liên hệ chặt chẽ giữa công trình với không gian xung quanh, giữa phần nội thất và ngoại thất một tổng thể công trình xây dựng

11.59. Đồ án cải tạo nhà ở

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất, Kết cấu công trình (BTCT+Thép+Gỗ)

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là đồ án khó, thường gặp trong thực tế và rất hữu ích cho người học. Học phần giúp sinh viên không chỉ nâng cao tư duy thiết kế tìm kiếm giải pháp sáng tạo mà còn yêu cầu sinh viên có một nền tảng kiến thức tổng hợp từ các đồ án trước trong việc nghiên cứu, khảo sát kỹ hiện trạng công trình, có sự suy luận, đánh giá và so sánh giữa mức độ can thiệp của phương án kiến trúc tới công trình hiện có cũng như tính hiệu quả của phương án xử lý cải tạo, nhằm tối đa hóa khả năng sử dụng hoặc chuyển đổi công năng sử dụng công trình trong khi vẫn đảm bảo sự hài hòa của công trình với bối cảnh xung quanh. Học phần giúp sinh viên vận dụng một cách linh hoạt và thực dụng các nguyên tắc thiết kế kiến trúc, nghiên cứu hiện trạng, từ đó đề xuất ý tưởng thiết kế, giải pháp kỹ thuật, giải pháp thi công công trình

9.60. Thực tập kỹ thuật

1 TC

Phân bố thời gian học tập: **1(1/0/2)**

Môn học trước: ĐA Cơ sở kiến trúc 4: Vẽ ghi, Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình DD, Cấu tạo kiến trúc công trình DD & CN– BTL

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Sinh viên bắt đầu làm quen với nghề kiến trúc và hành nghề làm công việc xây dựng

11.61. Thực tập – Thăm quan (Kiến trúc nội thất)

1 TC

Phân bố thời gian học tập: **1(0/1/2)**

Học phần trước: Cấu tạo kiến trúc công trình DD & CN– BTL, Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất, Thiết kế + triển khai cấu tạo các sản phẩm nội thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là Học phần dạng tích lũy, diễn ra gồm nhiều đợt thăm quan khác nhau, ứng với mỗi giai đoạn và trình độ các khóa khác nhau.

I/ Phần I: Thực tập – Thăm quan 1: (cuối HK 4)

Sinh viên thăm quan tiếp cận các công trình kiến trúc thực tế có quy mô, thể loại tương ứng với đồ án đang triển khai để tích lũy kiến thức, đối chiếu cơ sở lý thuyết được học áp dụng vào đồ án thiết kế học phần.

II/ Phần II: Thực tập – Thăm quan 2: (cuối HK 6)

Sinh viên tham quan công trình nội ngoại thất, xưởng sản xuất và công trình thi công nội ngoại thất để có cách nhìn tổng quan từ giai đoạn thiết kế đến giai đoạn sản xuất, triển khai thi công thực tế. Từ đó tăng tính thực tiễn trong các đồ án thiết kế, hướng đến tạo ra các sản phẩm có tính khả thi và ứng dụng cao.

11.62. Thực tập tốt nghiệp (Kiến trúc nội thất)

2 TC

Phân bố thời gian học tập: **2(0/2/4)**

Học phần trước: Cấu tạo kiến trúc công trình DD & CN– BTL, Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất, Thiết kế + triển khai cấu tạo các sản phẩm nội thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Thực tập tốt nghiệp là học phần đặc thù bắt buộc của chương trình đào tạo cho phép sinh viên tiếp cận, tham gia trực tiếp vào công việc thực tế tại môi trường doanh

nghiệp bên ngoài để tích lũy kinh nghiệm, kiến thức bổ ích, thuận lợi trong hoạt động tư vấn sau khi ra trường. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên một cách nhìn trực tiếp về các công việc liên quan đến hoạt động kiến trúc – Nội ngoại thất & kiến trúc cảnh quan, cũng như vai trò và trách nhiệm của kiến trúc sư trong công việc tư vấn, thiết kế, chủ trì hoặc tham gia dự án, quản lý quy trình lập đồ án thiết kế, triển khai hồ sơ thiết kế,....

Sinh viên cũng được quan sát, tiếp cận với các công việc khác như tổ chức quản lý công ty, xây dựng kế hoạch kinh doanh, nguồn nhân lực, quản lý tài chính; các văn bản pháp quy về thiết kế, kiến trúc và quản lý xây dựng; tiếp cận và làm việc với khách hàng, đối tác trong các đơn vị thực tập.

11.63. Tự chọn 1: Tư duy biện luận ứng dụng

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung kiến thức cơ bản và thiết thực nhất về biện luận khoa học, khả năng tư duy để hùng biện lý luận ứng dụng vào nghề nghiệp chuyên ngành: sự logic khoa học tương tác, cấu trúc, định vị, diễn trình. Tổ chức cho sinh viên tìm hiểu, thuyết trình, thực hiện các nghi thức, tham gia các trò chơi, mô phỏng, thảo luận trên các lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường xã hội.

11.64. Tự chọn 1: Mỹ học

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát mỹ học, cảm thụ về vẻ đẹp không gian cảnh quan – hình thái đô thị, bố cục kiến trúc, hình khối đường nét màu sắc và đến tiêu cảnh trang trí không gian kiến trúc, cảm thụ nghệ thuật được tương tác chi phối với các ngành nghề khác cùng không gian và bối cảnh tạo gia giá trị thẩm mỹ nhất định.

Trang bị nhận thức về các lý thuyết mỹ học kiến trúc & cảnh quan đô thị từ thời kỳ cách mạng công nghiệp đến giai đoạn hiện nay giúp sinh viên vận dụng được những kinh nghiệm thực tế và hiểu biết về lý thuyết mỹ học với kiến trúc đô thị.

11.65. Tự chọn 2: Nghệ thuật nhiếp ảnh

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Học phần trước: Nguyên lý thị giác, Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về kỹ thuật chụp và xử lý ánh sáng, xử lý ảnh sau khi chụp cũng như hiểu biết về thiết bị kỹ thuật dùng trong chụp ảnh nghệ thuật. Kiến thức về ảnh nghệ thuật có tác dụng hỗ trợ tốt mỹ cảm cho nghề nghiệp, cho các công việc liên quan đến quảng bá sản phẩm thiết kế hay sản xuất trong lĩnh vực Kiến trúc nội ngoại thất. Ngoài ra còn có thể sử dụng các tác phẩm chụp ảnh nghệ thuật như những yếu tố trong trang trí nội ngoại thất công trình.

11.66. Tự chọn 2: Tranh chất liệu

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Học phần trước: Trang trí chuyên ngành 2, Chất liệu nội ngoại thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên có tư duy, kỹ năng sử dụng các chất liệu có sẵn khác nhau để thực hiện một số tác phẩm sáng tác đặc trưng dùng trong trang trí nội ngoại thất công trình. Người học được hướng dẫn lựa chọn, xử lý, phối hợp, bố cục về chất liệu, về màu sắc, về phong cách thể hiện theo mảng dẹt, theo không gian 3 chiều, cách mô phỏng thực, cách điệu trong việc diễn tả tác phẩm phù hợp với yêu cầu, phong cách thiết kế kiến trúc và nội ngoại thất của công trình cần trang trí.

11.67. Tự chọn 2: Tạo dáng công nghiệp

2 TC

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Học phần trước: Nguyên lý bố cục tạo hình kiến trúc, Nguyên lý thị giác, Thiết kế và triển khai cấu tạo các sản phẩm nội thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp người học nâng cao khả năng design các kiểu dáng tạo hình công nghiệp khác nhau sử dụng trong việc thiết kế ra các sản phẩm đồ đạc hoặc vật trang trí nội ngoại thất theo yêu cầu của khách hàng. Sinh viên biết cách tận dụng các kiến thức đã học về thiết kế nội thất, thiết kế sản phẩm nội thất, điêu khắc, tạo hình để phát triển mạnh về tư duy tạo dáng, tạo kiểu, sáng tạo và triển khai thực tế các sản phẩm đặc trưng phù hợp với bối cảnh sử dụng.

11.68. Chuyên đề: Các xu hướng nội thất

1 TC

Phân bố thời gian học tập: 1(1/0/4)

Học phần trước: Lịch sử nghệ thuật, Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất, Thiết kế và triển khai cấu tạo các sản phẩm nội thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần thuyết giảng của giáo viên nhiều kinh nghiệm thực tế, chuyên gia hoặc giáo viên thỉnh giảng đến từ các doanh nghiệp nhằm giới thiệu cho người học những phong cách nội ngoại thất hiện đang thịnh hành cũng như các xu hướng thiết kế của các năm tiếp theo. Sinh viên cũng được hướng dẫn phương pháp tiếp cận khách hàng thực tế để đánh giá nhu cầu về gu thẩm mỹ, sở thích và phong cách mong muốn nhằm đáp ứng tối đa mong muốn của khách hàng bằng cách tư vấn thuận, tư vấn ngược dựa trên kiến thức, khả năng và phong cách thể mạnh của người thiết kế.

11.69. Chuyên đề: Nội thất các công trình cải tạo bảo tồn

1 TC

Phân bố thời gian học tập: **1(1/0/4)**

Học phần trước: Lịch sử nghệ thuật, Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất, Thiết kế và triển khai cấu tạo các sản phẩm nội thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần thuyết giảng của giáo viên nhiều kinh nghiệm thực tế, chuyên gia hoặc giáo viên thỉnh giảng đến từ các doanh nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên những cập nhật thực tế, yêu cầu của thể loại thiết kế, thi công các dự án nội ngoại thất các công trình cải tạo phổ thông hoặc đặc biệt dành riêng cho các công trình cần bảo tồn. Người học được giới thiệu, hướng dẫn các dạng, thức, tỉ lệ, nguyên tắc và liên luật cũng như triết lý thiết kế của các dạng công trình này, đặc biệt là các công trình có tính chất lịch sử. Sinh viên cũng được hướng dẫn cách tối đa hóa tái sử dụng các điều kiện hiện trạng để làm nổi bật tính chất, tinh thần của một công trình có giá trị lịch sử hoặc văn hóa.

11.70. Chuyên đề: Công nghệ và vật liệu nội thất mới

1 TC

Phân bố thời gian học tập: **1(1/0/4)**

Học phần trước: Chất liệu nội ngoại thất, Nguyên lý thiết kế nội ngoại thất, Thiết kế và triển khai cấu tạo các sản phẩm nội thất

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Là học phần thuyết giảng của giáo viên nhiều kinh nghiệm thực tế, chuyên gia hoặc giáo viên thỉnh giảng đến từ các doanh nghiệp. Học phần nhằm cung cấp và cập nhật cho sinh viên những kiến thức mới về các loại công nghệ cũng như vật liệu, chất liệu nội

ngoại thất mới như: công nghệ sản xuất nội thất lập trình tự động, công nghệ phủ nano trên bề mặt sản phẩm nội thất, công nghệ gạch ốp uốn cong, công nghệ gạch ion âm,... Tùy theo sự phát triển của xã hội mà học phần được cập nhật và thay đổi đáp ứng tính tiên phong của học phần.

11.71. Khóa luận Tốt nghiệp

10 TC

Phân bố thời gian học tập: **9(0/9/18)**

Học phần trước:

Học phần tiên quyết: Tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Khóa luận tốt nghiệp là đồ án cuối cùng trong hệ thống đồ án của sinh viên ngành Kiến trúc nội thất. Quá trình nghiên cứu và thực hiện đồ án kéo dài 1 kỳ nhằm giúp sinh viên tổng hợp và củng cố lại toàn bộ kiến thức chuyên môn đã học trong suốt 4 năm học, đảm bảo sinh viên có đủ khối lượng kiến thức, kỹ năng cũng như tư duy phục vụ cho công tác thiết kế. Các thể loại đề tài dựa trên cơ sở nguyện vọng của sinh viên, ý kiến đồng ý của thầy hướng dẫn, kết hợp với phân công cân đối chung trong toàn khóa.

- Đối tượng thiết kế: Thiết kế kiến trúc nội ngoại thất của một công trình kiến trúc công cộng phức hợp, nhà ở, công nghiệp, nhóm đa chức năng... hoặc thiết kế cải tạo và nội ngoại thất của một công trình có quy mô vừa.

Khối lượng nội dung và thời gian: Khóa luận tốt nghiệp bao gồm các nội dung về nội ngoại thất chiếm 80%, về các môn kỹ thuật chiếm 20% khối lượng nghiên cứu (nếu sinh viên làm đồ án thiên về nghiên cứu lý thuyết có thể giảm khối lượng nghiên cứu phần kỹ thuật). Quy mô Khóa luận tốt nghiệp lớn hay nhỏ, sinh viên làm độc lập hay theo nhóm cùng thực hiện một đề tài cần phù hợp với trình độ và sở trường của mỗi người, có chú ý đến khối lượng công việc, thời gian thực hiện một Khóa luận tốt nghiệp là 16 tuần trong đó có lịch trình làm việc và kiểm tra theo từng giai đoạn được phổ biến tới giáo viên hướng dẫn và sinh viên khi giao đề tài tốt nghiệp.

12 Cơ sở vật chất phục vụ học tập

12.1. Các xưởng, phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

- Xưởng thực hành mô hình
- Xưởng thực hành đồ án

12.2. Thư viện, trang Web

- Thư viện trường
- Trang web khoa: www.fca.hcmute.edu.vn

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

Giờ quy định tính như sau:

$$\begin{aligned} 1 \text{ tín chỉ} &= 15 \text{ tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp} \\ &= 30 \text{ giờ thí nghiệm hoặc thực hành} \\ &= 45 \text{ giờ tự học} \\ &= 45 \div 90 \text{ giờ thực tập tại cơ sở.} \\ &= 45 \div 60 \text{ giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.} \end{aligned}$$

Số giờ của môn học là bội số của 15.

- b. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được Hội đồng Khoa học Đào tạo trường quyết định vào đầu các khóa tuyển sinh. Trong thời gian học tập, Nhà trường sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

PHỤ LỤC CÁC MÔN HỌC LIÊN NGÀNH

| STT | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|-----|------------|------------------|------------|-------------------------------|
| 1. | SKET241952 | Ký họa | 2 | |
| 2. | HGRA130852 | Hội họa nâng cao | 2 | |